

QUY ĐỊNH

**Cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và
quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong
lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu đối với hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công thuộc các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ và nhiệm vụ quản lý đất đai sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Phạm vi áp dụng được xác định thống nhất với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các nhiệm vụ quản lý đất đai được cơ quan có thẩm quyền giao, đặt hàng hoặc tổ chức thực hiện.

1. Đo đạc lập bản đồ địa chính và các sản phẩm đo đạc, bản đồ phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ quản lý đất đai; đối với nội dung kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định chuyên ngành.

2. Đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

3. Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

4. Xây dựng, cập nhật, chỉnh lý, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai; trong đó bao gồm cơ sở dữ liệu địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai, giá đất, điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất và các cơ sở dữ liệu thành phần khác theo quy định của pháp luật;

5. Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và các sản phẩm, hồ sơ kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất.

6. Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai.

7. Điều tra, đánh giá thoái hóa đất.

8. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.

9. Các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ và nhiệm vụ chuyên môn khác về quản lý, sử dụng đất đai do cơ quan có thẩm quyền giao, đặt hàng hoặc phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư hoặc được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ; đơn vị thực hiện; đơn vị giám sát, kiểm tra; tổ chức, cá nhân được giao đánh giá, kiểm định chất lượng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giám sát là hoạt động theo dõi thường xuyên hoặc định kỳ về tiến độ, nhân lực, máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ, khối lượng phát sinh và việc tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

2. Kiểm tra là việc sử dụng phương pháp kỹ thuật, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và kết quả đo kiểm phù hợp để xác định khối lượng và đánh giá sự phù hợp về chất lượng của hạng mục công việc, sản phẩm, dịch vụ công với yêu cầu đã được phê duyệt và quy định pháp luật có liên quan.

3. Đánh giá chất lượng, khối lượng là hoạt động xem xét, phân tích và tổng hợp kết quả giám sát, kiểm tra, hồ sơ, sản phẩm và tài liệu liên quan để xác định mức độ đáp ứng yêu cầu về chất lượng, khối lượng của hạng mục công việc hoặc toàn bộ sản phẩm, dịch vụ công.

4. Kiểm định chất lượng là việc kiểm tra, đối chứng hoặc đánh giá độc lập trên cơ sở hồ sơ kiểm tra và kết quả thực hiện nhằm xác định độ tin cậy, mức độ phù hợp của chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công; khi cần thiết có thể kiểm tra lại một phần sản phẩm theo phương pháp lấy mẫu phù hợp.

5. Nghiệm thu là việc chủ đầu tư căn cứ hồ sơ, kết quả giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và sản phẩm đã hoàn thành để xác nhận việc hoàn thành, chất lượng, khối lượng và các nội dung có liên quan của hạng mục công việc hoặc toàn bộ sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

6. Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư là cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

7. Chủ đầu tư là cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng kinh phí và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và nghiệm thu theo Quy định này.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công phải tiến hành định kỳ và có hệ thống trong quá trình thực hiện trên cơ sở kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu được lập theo tiến độ thực hiện từng hạng mục hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm.

2. Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê đơn vị giám sát, kiểm tra có chức năng phù hợp (sau đây gọi chung là đơn vị giám sát, kiểm tra) thực hiện giám sát, kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư.

3. Các tổ chức, cá nhân thực hiện (sau đây gọi chung là đơn vị thực hiện) công trình, sản phẩm, dịch vụ công phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công trước khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu.

4. Trong thời gian thực hiện, trường hợp có sự thay đổi về chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thì quá trình giám sát, kiểm tra phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ, chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thay đổi.

5. Đối với nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính có nội dung lồng ghép, các công đoạn phải được tổ chức đồng bộ, liên thông theo quy định kỹ thuật chuyên ngành hiện hành; việc giám sát, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng được thực hiện xuyên suốt quá trình triển khai.

Điều 5. Mục đích giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Bảo đảm cho công trình, sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện, giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công.

2. Phát hiện những sai sót trong quá trình thực hiện để kịp thời khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhằm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công.

3. Đánh giá, xác nhận đúng chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành.

Điều 6. Cơ sở pháp lý để giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền trong quá trình thực hiện.

2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ

thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư

Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc đối với công nghệ chưa có quy định kỹ thuật; do thay đổi chính sách; về định mức kinh tế - kỹ thuật; về khối lượng, hạng mục công việc, mức khó khăn (nếu có) theo thẩm quyền và quy định về quản lý ngân sách, giá, giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và điều chỉnh dự toán hiện hành; giải quyết việc kéo dài thời gian thực hiện công trình so với thời gian thực hiện đã được phê duyệt.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Đảm bảo chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với các công trình, sản phẩm, dịch vụ công được giao;

b) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công; lập hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công đối với các công trình, sản phẩm, dịch vụ công được giao làm chủ đầu tư;

c) Giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ trong quá trình thực hiện; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật, phát sinh về khối lượng, hạng mục công việc, mức khó khăn (nếu có) theo thẩm quyền và quy định hiện hành về điều chỉnh nhiệm vụ, dự toán và hợp đồng;

d) Báo cáo kịp thời với cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

đ) Quyết định đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công đang thực hiện không đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc vi phạm các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư;

e) Lập báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư về chất lượng, khối lượng, tiến độ các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành khi kết thúc công trình.

3. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện

a) Thực hiện thực hiện theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền

phê duyệt, đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có);

b) Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ thực hiện, chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công do đơn vị mình thực hiện; trường hợp công trình, sản phẩm, dịch vụ công chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện và tự chịu trách nhiệm về kinh phí; phối hợp với chủ đầu tư lập hồ sơ nghiệm thu cấp chủ đầu tư theo quy định;

c) Chịu sự giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu của chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) đối với chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được giao thực hiện;

d) Lập báo cáo về khối lượng, tiến độ các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện gửi chủ đầu tư trước ngày 25 hàng tháng hoặc khi được yêu cầu;

đ) Khi có sự thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư.

Điều 8. Lập kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc ký hợp đồng kinh tế, đơn vị thực hiện phải lập kế hoạch thực hiện chi tiết trong đó nêu rõ tiến độ thực hiện, tiến độ kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công gửi chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) để có kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu.

2. Trên cơ sở kế hoạch thực hiện của đơn vị thực hiện, chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) tổ chức lập kế hoạch giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với tiến độ của chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc hợp đồng đã ký kết, gửi đơn vị thực hiện và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 9. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công do chủ đầu tư thực hiện được xác định trong tổng dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công do đơn vị thực hiện thực hiện được tính trong đơn giá, dự toán của công trình theo quy định hiện hành.

Chương II

CƠ CHẾ GIÁM SÁT, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 10. Giám sát công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Nội dung giám sát công trình, sản phẩm, dịch vụ công bao gồm:

a) Giám sát nhân lực, máy móc, thiết bị sử dụng để thực hiện công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

b) Giám sát sự phù hợp của quy trình công nghệ đơn vị thực hiện áp dụng so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được chủ đầu tư cho phép;

c) Giám sát tiến độ thực hiện công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

d) Giám sát về khối lượng phát sinh trong quá trình thực hiện công trình, sản phẩm, dịch vụ công (nếu có);

đ) Giám sát quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thực hiện.

2. Trong quá trình giám sát công trình, sản phẩm, dịch vụ công, người trực tiếp giám sát phải tiến hành ghi Nhật ký giám sát công trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trong thời gian thực hiện, trường hợp có sự thay đổi về chế độ chính sách như: Tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, đơn vị giám sát phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách đó có hiệu lực.

Điều 11. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Nội dung, mức kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai của đơn vị thực hiện và chủ đầu tư phục vụ đánh giá, kiểm định chất lượng, nghiệm thu được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này. Đối với nội dung, hạng mục công việc chưa được quy định tại Phụ lục I, việc kiểm tra thực hiện theo chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được phê duyệt và quy định kỹ thuật chuyên ngành áp dụng cho sản phẩm đó. Mức kiểm tra tối thiểu đối với nội dung chưa có quy định cụ thể tại Phụ lục I là 20 phần trăm (20%) đối với sản phẩm ngoại nghiệp và 60 phần trăm (60%) đối với sản phẩm

nội nghiệp ở cấp đơn vị thực hiện; 5 phần trăm (5%) đối với sản phẩm ngoại nghiệp và 15 phần trăm (15%) đối với sản phẩm nội nghiệp ở cấp chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định chuyên ngành hoặc hồ sơ được phê duyệt quy định mức cao hơn.

2. Phương pháp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

a) Công tác kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công phải được thực hiện từ tổng thể đến chi tiết và được thực hiện ở cấp đơn vị thực hiện và cấp chủ đầu tư;

b) Công tác kiểm tra được thực hiện ở nội nghiệp hay ngoại nghiệp hoặc cả hai tùy thuộc vào từng hạng mục sản phẩm, dịch vụ công cụ thể. Thực hiện việc đối soát thông tin trong từng sản phẩm, dịch vụ công và giữa các sản phẩm, dịch vụ công để kiểm tra sự đầy đủ, thống nhất thông tin của sản phẩm, dịch vụ công. Trong một số trường hợp phải thực hiện lại một số nội dung công việc của quá trình thực hiện để so sánh, đối chiếu, đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ công so với các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, nội dung chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

c) Trong quá trình kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công được phép sử dụng thiết bị, công nghệ và các nguồn tư liệu, dữ liệu khác để thực hiện đánh giá chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

d) Đối với các hạng mục công việc kiểm tra mang tính xác suất, phạm vi lấy mẫu kiểm tra phải được phân bố đều trong toàn bộ phạm vi thực hiện;

đ) Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm, dịch vụ công giao nộp;

e) Đối với các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ có thể thực hiện kiểm tra công trình, sản phẩm, dịch vụ công cuối cùng bằng phương pháp tổng hợp thì đơn vị giám sát, kiểm tra lập phương án kiểm tra trình chủ đầu tư phê duyệt.

3. Ghi nhận kết quả kiểm tra

a) Kết thúc quá trình kiểm tra phải tiến hành ghi nhận kết quả kiểm tra. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng Phiếu ghi ý kiến kiểm tra các hạng mục được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, tổng hợp đánh giá chất lượng, khối lượng của từng hạng mục và tiến hành lập Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công của từng hạng mục theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 12. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch

vụ công cấp đơn vị thực hiện

1. Đơn vị thực hiện sử dụng đơn vị trực thuộc, cán bộ chuyên môn kỹ thuật của mình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng của tất cả hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công do đơn vị mình thực hiện và lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trước khi tiến hành kiểm tra chất lượng, khối lượng, đơn vị thực hiện phải thông báo về kế hoạch kiểm tra tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có).

3. Kết thúc kiểm tra chất lượng, khối lượng từng hạng mục, đơn vị thực hiện giao nộp sản phẩm, dịch vụ công đã được tự kiểm tra đạt yêu cầu, Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công và Văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công tương ứng theo Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có).

4. Kết thúc hạng mục công trình hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, đơn vị thực hiện lập 03 bộ hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công (01 bộ gửi chủ đầu tư, 01 bộ gửi đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư và 01 bộ lưu tại đơn vị thực hiện) đồng thời giao nộp sản phẩm, dịch vụ công đã được kiểm tra đạt chất lượng theo quy định, Văn bản đề nghị kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có). Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công gồm:

a) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thực hiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Báo cáo đối với những vấn đề phát sinh, vướng mắc về công nghệ, về định mức kinh tế - kỹ thuật, về khối lượng, mức khó khăn và những vấn đề khác so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và văn bản chấp thuận những phát sinh, giải quyết vướng mắc của cấp có thẩm quyền trong thời gian thực hiện công trình (nếu có);

d) Phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 13. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch

vụ công cấp chủ đầu tư

1. Sau khi nhận được văn bản đề nghị kiểm tra, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thực hiện hợp lệ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 Quy định này và sản phẩm, dịch vụ công đã được kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) để thực hiện kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư.

2. Các bước kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý, tính thống nhất, tính hợp lệ của hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thực hiện;

b) Phân tích, đánh giá nội dung báo cáo tổng kết kỹ thuật, báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công và các biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công, phiếu ghi ý kiến kiểm tra, số liệu, tài liệu kiểm tra cấp đơn vị thực hiện;

c) Kiểm tra, đánh giá quy cách sản phẩm, dịch vụ công so với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và các quy định khác trong đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt;

d) Trường hợp chất lượng sản phẩm, dịch vụ công chưa đạt yêu cầu, đơn vị thực hiện có trách nhiệm sửa chữa theo các ý kiến kiểm tra và gửi Báo cáo sửa chữa sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này kèm theo sản phẩm đã được sửa chữa đến chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

đ) Kiểm tra lại các sản phẩm, dịch vụ công đã được đơn vị thực hiện sửa chữa và lập Bản xác nhận sửa chữa sản phẩm, dịch vụ công (nếu có) theo Mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

e) Xác định khối lượng của các hạng mục công trình sản phẩm, dịch vụ công đạt yêu cầu về chất lượng và các hạng mục, sản phẩm, dịch vụ công không đạt yêu cầu về chất lượng (nếu có);

g) Đánh giá, đề xuất xác định lại mức khó khăn các hạng mục công trình đã thực hiện phù hợp quy định hiện hành và thực tế sản xuất (nếu có);

h) Lập Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

i) Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) lập Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đối với từng hạng mục theo kế hoạch nghiệm thu đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) lập Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công tương ứng theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này và văn bản kiến nghị (nếu có) gửi chủ đầu tư;

Kết thúc hạng mục hoặc kết thúc công trình theo kế hoạch nghiệm thu, chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có) lập 03 bộ hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư (02 bộ lưu giữ tại chủ đầu tư, 01 bộ lưu giữ tại đơn vị giám sát, kiểm tra). Hồ sơ bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thực hiện;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thực hiện;

d) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công của đơn vị thực hiện và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

đ) Các Báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư (nếu có);

e) Báo cáo của đơn vị thực hiện về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm cấp chủ đầu tư (nếu có);

g) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

i) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ công kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra cấp chủ đầu tư.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư

1. Quyền của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Yêu cầu đơn vị thực hiện thực hiện theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

b) Từ chối kiểm tra trong trường hợp đơn vị thực hiện chưa giao nộp đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ công, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công

trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thực hiện hoặc các sản phẩm, dịch vụ công còn tồn tại lỗi mang tính hệ thống;

c) Từ chối xác nhận các sản phẩm, dịch vụ công không đạt chất lượng hoặc các sản phẩm, dịch vụ công đã có ý kiến kiểm tra nhưng không được sửa chữa toàn diện, triệt để theo yêu cầu;

d) Báo cáo chủ đầu tư về các vi phạm và kiến nghị hình thức xử lý trong trường hợp đơn vị thực hiện vi phạm quy định về chất lượng, khối lượng, tiến độ hoặc nghĩa vụ báo cáo theo Quy định này hoặc vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thực hiện;

đ) Đề xuất, kiến nghị chủ đầu tư chấp nhận hoặc thay đổi mức khó khăn so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 11 của Quy định này;

b) Tổng hợp các ý kiến trong quá trình giám sát, kiểm tra và thông báo cho đơn vị thực hiện;

c) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện. Báo cáo chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc, phát sinh vượt quá thẩm quyền;

d) Báo cáo đầy đủ với chủ đầu tư những vấn đề kỹ thuật phát sinh ngoài chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), khối lượng phát sinh tăng, giảm trong quá trình thực hiện (nếu có);

đ) Kiến nghị với chủ đầu tư xử lý các vi phạm, chấm dứt hợp đồng với đơn vị thực hiện trong trường hợp đơn vị thực hiện vi phạm các quy định về chất lượng, khối lượng, tiến độ hoặc nghĩa vụ báo cáo theo Quy định này hoặc vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thực hiện;

e) Kiến nghị với chủ đầu tư hình thức xử lý đối với đơn vị thực hiện vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thực hiện;

g) Lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư; phối hợp với chủ đầu tư lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định;

h) Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công đã giám sát, kiểm tra và bị xử lý theo quy định của pháp luật khi cố ý làm sai lệch kết quả giám sát, kiểm tra.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 15. Đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Chủ đầu tư sử dụng tổ chức chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng, chủ đầu tư ra quyết định thành lập, thành phần Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và một số thành viên thuộc các đơn vị chức năng có liên quan, chuyên gia am hiểu về chuyên môn công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai (nếu cần thiết).

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng

a) Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số. Phiên họp của Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng phải đảm bảo có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng theo quyết định thành lập;

b) Chủ tịch Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng, kiến nghị chủ đầu tư các nội dung có liên quan đến trách nhiệm được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về sự đúng đắn, khách quan đối với kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng.

4. Căn cứ đánh giá, kiểm định chất lượng

a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp đơn vị thực hiện;

b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

c) Các hạng mục công việc, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

5. Nội dung và thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc đánh giá, kiểm định chất lượng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công. Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian đánh giá, kiểm định chất lượng có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày làm việc.

Nội dung đánh giá, kiểm định chất lượng bao gồm:

a) Đánh giá, kiểm định về việc tuân thủ các quy định trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;

b) Đánh giá, kiểm định việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát thực hiện, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

c) Đánh giá, kiểm định việc xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện theo yêu cầu của đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư (nếu có);

d) Đánh giá, kiểm định việc xác định khối lượng đạt chất lượng, mức khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình, sản phẩm, dịch vụ công hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn dựa trên một số mẫu sản phẩm.

6. Căn cứ kết quả đánh giá, kiểm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ đánh giá, kiểm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định chất lượng) chỉ đạo các đơn vị liên quan sửa chữa, bổ sung hoàn thiện khi chất lượng, khối lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, mức khó khăn chưa phù hợp, hồ sơ tài liệu chưa hợp lệ.

7. Kết thúc quá trình đánh giá, kiểm định, đơn vị được chủ đầu tư giao nhiệm vụ đánh giá, kiểm định hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp thành lập Hội đồng đánh giá, kiểm định) phải lập báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 16. Nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá, kiểm định, chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai đã hoàn thành.

2. Căn cứ nghiệm thu

a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư, trong đó bao gồm các tài liệu về quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ; hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng và các tài liệu liên quan theo quy định;

b) Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

c) Các sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

3. Nội dung và thời gian nghiệm thu

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc

nghiệm thu hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, dịch vụ công. Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian nghiệm thu có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. Nội dung nghiệm thu bao gồm:

a) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành đạt chất lượng, so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nghiệm thu về khối lượng các hạng mục công việc phát sinh (tăng, giảm) so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Xác nhận mức khó khăn đối với các hạng mục công việc, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành;

d) Kết thúc quá trình nghiệm thu phải lập Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này; lập Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện từng năm theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được thực hiện trong nhiều năm (nếu có) và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định tại Điều 18 Quy định này.

Điều 17. Giao nộp sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi có Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công, đơn vị thực hiện có trách nhiệm giao nộp sản phẩm, dịch vụ công tại nơi lưu trữ do chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ định.

2. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công trình đã được nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng và được nêu cụ thể trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ, hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ thực hiện.

Điều 18. Lập hồ sơ nghiệm thu

1. Kết thúc quá trình nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, dịch vụ công, chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ nghiệm thu. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thực hiện và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thực hiện;

d) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm

quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư (nếu có);

đ) Báo cáo của đơn vị thực hiện về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư (nếu có);

e) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư (nếu trong Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công không có thành phần đơn vị giám sát, kiểm tra tham gia);

g) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo đánh giá, kiểm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

i) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

k) Biên bản giao nộp sản phẩm đối với sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành theo quy định tại Điều 17 của Quy định này;

l) Bản tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện từng năm (nếu có).

2. Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 bộ: 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư, 02 bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 bộ giao nộp kèm theo sản phẩm, dịch vụ công tại cơ quan lưu trữ, 01 bộ lưu tại đơn vị thực hiện.

Điều 19. Lập hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi có bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Văn bản đề nghị quyết toán công trình, sản phẩm, dịch vụ công lập theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

c) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị thực hiện và đơn vị giám sát, kiểm tra được chủ đầu tư lựa chọn (nếu có);

d) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

đ) Bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, dịch vụ công;

e) Biên bản giao nộp sản phẩm, dịch vụ công hoặc phiếu nhập kho đối với sản phẩm, dịch vụ công;

g) Bản tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán công trình, sản phẩm, dịch

vụ công đã thực hiện từng năm theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này đối với các công trình được thực hiện trong nhiều năm.

2. Hồ sơ quyết toán được lập thành 05 bộ: 03 bộ gửi cho chủ đầu tư, 01 bộ gửi cho cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc quyết định đầu tư, 01 bộ gửi cho đơn vị thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

Đối với các công trình, sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện nhưng chưa đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiến hành đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu và lập các hồ sơ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quy định này; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để được xem xét, giải quyết theo quy định./.